

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO)
2. Mã chứng khoán: SAS
3. Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Điện thoại: (028) 3844 8358 Fax: (028) 3844 7812
5. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0301123125, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010 tại Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp. HCM.
6. Vốn điều lệ: 1.334.813.100.000 VNĐ (Một nghìn ba trăm ba mươi bốn tỷ tám trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng).

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Thời gian: Khai mạc lúc 9h17', thứ Năm, ngày 08/10/2026.
2. Địa điểm: Hội trường Nhà điều hành Công ty SASCO, Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Thành phần tham dự:
 - 3.1. Các cổ đông/đại diện cổ đông SASCO.
 - 3.2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty.

III. THỦ TỤC ĐẠI HỘI:

1. Giới thiệu và lấy ý kiến Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông, bao gồm:
 - 1.1. Ông Trương Minh Sang – Kế toán trưởng, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán – Trưởng ban;
 - 1.2. Ông Đỗ Quảng Đức – Thành viên Tổ kiểm toán nội bộ – Thành viên;
 - 1.3. Ông Nguyễn Ngọc Hải Đăng – Nhân viên P. Công nghệ Thông tin – Thành viên.

Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
- 1.4. Ông Trương Minh Sang – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông;
 - 1.4.1. Số cổ đông theo danh sách chốt ngày 04/9/2026 là 1.913 cổ đông, sở hữu 133.451.910 cổ phần có quyền biểu quyết (do SASCO sở hữu 29.400 cổ phiếu quỹ).

- 1.4.2. Số lượng đại biểu tham dự Đại hội: **63** đại biểu, đại diện cho **128.558.511** cổ phần, tương ứng 128.558.511 phiếu biểu quyết, chiếm tỷ lệ **96,33%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.
- 1.4.3. Những người tham dự Đại hội với tư cách cổ đông có đủ tiêu chuẩn đại biểu theo quy định, những người đại diện cho cổ đông đều được ủy quyền hợp pháp bằng văn bản.
- **Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành; Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất có đủ điều kiện tiến hành.**

2. Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban bầu cử - kiểm phiếu:

Bà Nguyễn Cao Huỳnh Như, MC chương trình giới thiệu và lấy ý kiến Đại hội thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban bầu cử - kiểm phiếu, bao gồm:

2.1. Đoàn Chủ tịch:

- 2.1.1. Ông Nguyễn Hạnh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tọa.
- 2.1.2. Ông Trần Anh Vũ – Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên.
- 2.1.3. Ông Dư Kim Thắng – Tổng Giám đốc, Thành viên.

Đại hội thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2.2. Ban Thư ký Đại hội:

- 2.2.1. Bà Nguyễn Lê Quỳnh Trâm – Trưởng Phòng Pháp lý & Kiểm soát Tuân thủ, Người phụ trách quản trị Công ty, Trưởng Ban.
- 2.2.2. Bà Trần Hồng Phượng – Nhân viên Văn phòng Công ty, Thành viên.

Đại hội thông qua nhân sự Ban Thư ký Đại hội

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2.3. Ban Bầu cử - Kiểm phiếu:

- 2.3.1. Bà Trần Thị Ngọc Thủy – Phó Phòng Tổ chức Nhân sự, Trưởng ban.
- 2.3.2. Ông Hồng Vĩnh Cửu – Tổ trưởng Phòng Công nghệ thông tin, Thành viên.
- 2.3.3. Ông Chu Tùng Nguyên – Tổ trưởng Phòng Công nghệ thông tin, Thành viên.

Đại hội thông qua thành phần Ban Bầu cử - Kiểm phiếu

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Chương trình Nghị sự Đại hội:

Ông Nguyễn Hạnh đại diện Đoàn Chủ tịch lấy ý kiến Đại hội thông qua Chương trình Nghị sự của Đại hội và phân công trong Đoàn Chủ tịch.

Ông Nguyễn Hạnh, Chủ tọa Đại hội phân công công tác duy trì Đại hội giữa các thành viên Đoàn Chủ tịch.

Đại hội thông qua Chương trình nghị sự

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Quy chế làm việc tại Đại hội:

Ông Dư Kim Thăng, đại diện Đoàn Chủ tịch lấy ý kiến Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

IV. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI:

1. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất:

Ông Dư Kim Thăng, đại diện Đoàn Chủ tịch trình bày Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

2. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất

Ông Trần Anh Vũ, đại diện Đoàn Chủ tịch trình bày Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

3. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Ông Trần Anh Vũ, đại diện Đoàn Chủ tịch trình bày Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

4. Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ông Lưu Quốc Hoàng, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách trình bày Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hạnh, Chủ tọa Đại hội trình bày Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị, giới thiệu sơ lược ứng viên được đề cử tham gia Hội đồng Quản trị.

6. Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:

Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Trưởng Ban bầu cử - Kiểm phiếu, trình bày Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Hội đồng Quản trị Công ty SASCO; hướng dẫn cách thức bầu cử.

Đại hội thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

V. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TRÌNH:

301
CÔNG
PHÂN
3 KH
N S
PH

S t t	Nội dung biểu quyết	Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Số phiếu không hợp lệ hoặc không biểu quyết	
		Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	128.558.511	100%	0	0%	0	0%	0	0%
2	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	128.558.511	100%	0	0%	0	0%	0	0%
3	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị	128.558.511	100%	0	0%	0	0%	0	0%
4	Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	128.558.511	100%	0	0%	0	0%	0	0%
5	Tờ trình v/v miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị	128.558.511	100%	0	0%	0	0%	0	0%

VI. KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Bà Trần Thị Ngọc Thủy – Trưởng Ban bầu cử - Kiểm phiếu thông báo kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, cụ thể:

Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị:

Stt	Họ tên	Số phiếu bầu hợp lệ	Tỷ lệ trúng cử
1	Dư Kim Thăng	128.506.423	99,998%

Ông Dư Kim Thăng trúng cử vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất với 99,998% số phiếu bầu hợp lệ.

VII. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT THÔNG QUA NỘI DUNG BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI:

- Bà Nguyễn Lê Quỳnh Trâm, Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Đại hội thông qua nội dung Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

- Bà Nguyễn Lê Quỳnh Trâm, Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Đại hội thông qua nội dung Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026.

Tỷ lệ biểu quyết Tán thành: 100 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

VIII. BẾ MẠC:

Ông Nguyễn Hạnh – Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Biên bản này được Ban Thư ký ghi lại đầy đủ, trung thực, được đọc và thông qua tại Đại hội và được lưu vào hồ sơ đại hội của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút cùng ngày./.

TM. BAN THƯ KÝ
Trưởng ban



Nguyễn Lê Quỳnh Trâm

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
Chủ tọa



Nguyễn Hạnh

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- UBCKNN, SGĐCKHN;
- Lưu: VT.

NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất ngày 08/10/2026;

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
Toàn văn Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất sau sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 2.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất sau sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 3.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
Toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất sau sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 4.** Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
Toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất sau sửa đổi, bổ sung đính kèm Nghị quyết này.
- Điều 5.** Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Hùng Cường.
- Điều 6.** Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị SASCO cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029. Thông tin thành viên Hội đồng Quản trị SASCO trúng cử như sau:

Ông **DƯ KIM THĂNG**

Ngày sinh: 15/4/1972

Số CCCD: 031072017131 – Ngày cấp: 13/01/2022 – Nơi cấp: Cục CSQLHC và TTXH.

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi sinh: Hà Nội



Địa chỉ: 25/37/6 Cừ Long, Phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Tarlac State University, Kỹ sư Hóa – Đại học Bách khoa Tp.HCM.

Điều 7. Điều khoản thi hành

- 7.1. Giao Hội đồng Quản trị tổ chức triển khai cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào Điều lệ và các Quy chế hiện hành; hoàn thiện và công bố các văn bản sau khi cập nhật, bảo đảm phù hợp với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7.2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
- 7.3. Nghị quyết này đã được đọc, thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

132 **Chủ tọa** *✓*



NGUYỄN HẠNH

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;
- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Lưu: VT, PLKSTT.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2026.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	3
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty	3
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu và sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 11. Quyền của cổ đông	12
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 16. Thay đổi các quyền	19
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20. Hình thức Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	24
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	27
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; và quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 30. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Người quản lý khác	33

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị	34
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	35
Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị	39
Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	40
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty	40
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	41
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý	41
Điều 39. Người điều hành	41
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	42
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	44
Điều 41. Trách nhiệm của Người quản lý	44
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan	44
Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	45
Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	46
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	47
Điều 45. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát	47
Điều 46. Thành phần Ban kiểm soát	47
Điều 47. Trưởng Ban kiểm soát	47
Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	47
Điều 49. Cuộc họp của Ban kiểm soát	49
Điều 50. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	49
Điều 51. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	49
Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	50
CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	50
Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	50
Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	53
CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	53
Điều 55. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	53
CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	54
Điều 56. Công nhân viên và công đoàn	54
CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	54
Điều 57. Phân phối lợi nhuận	54
CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	55
Điều 58. Tài khoản ngân hàng	55
Điều 59. Năm tài chính	55
Điều 60. Chế độ kế toán	55
CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	56
Điều 61. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	56
Điều 62. Báo cáo thường niên	56
Điều 63. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	56
CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	56
Điều 64. Kiểm toán	56
CHƯƠNG XVIII. CON DẤU VÀ BẢO MẬT	56
Điều 65. Dấu của doanh nghiệp	57

Điều 66. Bảo mật.....	57
CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	57
Điều 67. Giải thể Công ty	57
Điều 68. Gia hạn hoạt động.....	57
Điều 69. Thanh lý.....	57
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	58
Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ	58
CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	59
Điều 71. Điều lệ Công ty.....	59
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	59
Điều 72. Ngày hiệu lực	59

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. “*Ban kiểm soát*” là bộ phận giám sát Hội đồng quản trị, tình hình hoạt động, quản lý và điều hành của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật, có các quyền và nghĩa vụ tại Điều 48 và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát tại Điều 51 Điều lệ này;
 - b. “*Ban Tổng Giám đốc*” bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc;
 - c. “*Chủ tịch Hội đồng quản trị*” là người được Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị, được quy định tại Điều 31 Điều lệ này;
 - d. “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - e. “*Công ty con*” là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc/Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
 - f. “*Công ty liên kết*” là các đơn vị mà Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết (mà không có thỏa thuận khác) và được tổ chức dưới các hình thức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - g. “*(các) Cổ đông*” có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào khác có sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà pháp luật yêu cầu được nêu trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là chủ sở hữu của các cổ phần;
 - h. “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - i. “*Đại hội đồng cổ đông*” là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10 và Điều 13 của Điều lệ này;
 - j. “*Điều lệ Công ty*” là Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - k. “*Đơn vị phụ thuộc*” bao gồm Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị phê chuẩn thành lập;
 - l. “*Hội đồng quản trị*” là cơ quan quản lý của Công ty, được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 và có các quyền hạn và nghĩa vụ tại Điều 29 của Điều lệ này;
 - m. “*Luật Chứng khoán*” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 hoặc văn bản pháp luật thay thế hiện hành;
 - n. “*Luật Doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 hoặc văn bản pháp luật thay thế hiện hành;

- o. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - p. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - q. “Người đại diện theo pháp luật” là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, được xác định tại Điều 3 Điều lệ này;
 - r. “Người điều hành doanh nghiệp” hoặc “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - s. “Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - t. “Người phụ trách quản trị Công ty” là người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty và có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 37 Điều lệ này;
 - u. “Sổ giao dịch chứng khoán” là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - v. “Sổ đăng ký cổ đông” là sổ đăng ký cổ đông được quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp;
 - w. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty theo Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này và các sửa đổi kéo dài (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - x. “Tổng Giám đốc” là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 10 và có nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 40 của Điều lệ này;
 - y. “Ủy ban Chứng khoán Nhà nước” là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - z. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - aa. “VSDC” có nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
 - bb. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - cc. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Điều lệ này.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung của các điều khoản trong Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

**CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH,
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất
 - Tên tiếng Anh: Southern Airports Services Joint Stock Company
 - Tên viết tắt: **SASCO**
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (028) 3 8448 358
 - Fax: (84-8) 3 8447 812
 - E-mail: sasco@sasco.com.vn
 - Website: www.sasco.com.vn
4. Công ty có thể thành lập Đơn vị phụ thuộc để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
5. Trừ khi Công ty giải thể theo Điều 67 của Điều lệ này, Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty:
 - a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại gây ra cho Công ty theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm của Người quản lý được quy định tại Điểm b, c, và d Khoản 1 Điều 41 của Điều lệ này.
3. Công ty phải đảm bảo luôn có ít nhất một Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp chỉ còn lại một Người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp đó, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; đảm bảo việc làm, thu nhập và đời sống người lao động.
2. Hoạt động kinh doanh đa ngành, đa nghề nhưng bảo đảm tuân thủ tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Hoạt động kinh doanh cốt lõi là bất kỳ ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh hoặc dòng sản phẩm/dịch vụ nào của Công ty (bao gồm của cả các Công ty con) đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:
 - a. Đóng góp từ 10% trở lên vào Tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong hai (02) năm tài chính gần nhất căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty; hoặc
 - b. Đóng góp từ 10% trở lên vào Tổng lợi nhuận gộp (hoặc Lợi nhuận trước thuế) hợp nhất của Công ty trong hai (02) năm tài chính gần nhất căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty.
 - c. Các hoạt động kinh doanh khác được Hội đồng quản trị xác định là cốt lõi, quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, tùy từng thời kỳ.
3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty đăng ký là:

Bán lẻ tổng hợp khác:

4719 (Chính)

Chi tiết: Kinh doanh hàng miễn thuế. Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo, hàng thủ công mỹ nghệ, vàng (trừ kinh doanh vàng miếng) bạc, đá quý, văn hóa phẩm (Có nội dung được phép lưu hành); nông, lâm, hải sản nguyên liệu, động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở và trừ động vật quý hiếm); hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật); Vật liệu xây dựng; xe có động cơ, mô tô, xe gắn máy, phụ tùng cho xe có động cơ, xăng, dầu, mỡ (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); nguyên vật liệu phi nông nghiệp, phế liệu và đồ phế thải (Không hoạt động tại trụ sở); máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế ngành công – nông – ngư nghiệp, hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); tạp phẩm, máy móc, thiết bị, đồ dùng, cá nhân và gia đình; sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); xăng, dầu, mỡ, nhớt, gia vị, nước chấm, nước sốt, thủy hải sản, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách.

Dịch vụ spa và xông hơi

9623

- Chi tiết: dịch vụ spa, xông hơi, massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân, tắm bùn khoáng.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê 6810

- Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, nhà ở, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở.

Chuyển phát 5320

- Chi tiết: Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển phát nhanh hàng hóa.

Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) 4931

- Chi tiết: Đại lý vận tải bằng đường bộ, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo tuyến cố định theo hợp đồng bằng xe taxi, xe buýt.

Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện 1629

- Chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
(không hoạt động tại trụ sở)

Trồng cây ăn quả 0121
(không hoạt động tại trụ sở)

Đại lý lữ hành 7911

Quảng cáo 7310

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận 7320
(Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)

Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh 6110

Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón 0891
- Chi tiết: Khai thác, chế biến bùn khoáng (không hoạt động tại trụ sở)

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu 1079
- Chi tiết: Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt (không hoạt động tại trụ sở)

Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động 1075

tại trụ sở)

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản 1020

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ (không hoạt động tại trụ sở) 3101

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở) 3102

Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác (không hoạt động tại trụ sở) 3109

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa 5210
(trừ kinh doanh kho bãi)

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại 8230
(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu 8299

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh

Hoàn thiện công trình xây dựng 4330

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan 7110
- Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự 5510
- Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động 5610
- Chi tiết: Nhà hàng. Dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn trên máy bay. Dịch vụ cung cấp ăn uống theo hợp đồng.

Điều hành tua du lịch 7912
- Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, kinh doanh lễ hành nội địa, kinh doanh lễ hành quốc tế.

Hoạt động vui chơi giải trí khác 9329
- Chi tiết: Kinh doanh bãi tắm, vũ trường, karaoke (Không

hoạt động tại TPHCM). Hoạt động bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, dịch vụ du thuyền, thể thao trên không, nhảy dù, hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể hình, nhịp điệu.

Dịch vụ làm tóc	9621
<i>(trừ các hoạt động gây chảy máu)</i>	
Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0321
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Không hoạt động tại trụ sở)	1105
Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	0210
Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
Xây dựng nhà để ở	4101
Xây dựng nhà không để ở	4102
<i>- Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật, giao thông.</i>	
Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
<i>- Chi tiết: Tư vấn đầu thầu (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)</i>	
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
<i>- Chi tiết: Môi giới hàng hải. Dịch vụ làm thủ tục hải quan. Dịch vụ kiểm tra an toàn phương tiện vận tải. Kéo xe bị hỏng. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa. Đại lý vé máy bay. Kinh doanh khai thác bến cảng. Khai thác dịch vụ kỹ thuật, thương mại hàng không, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành hàng không (trừ kinh doanh cảng hàng không, kinh doanh vận chuyển hàng không và trừ giá công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).</i>	
Vận tải đường ống (Không hoạt động tại trụ sở)	4940
Bán buôn chuyên doanh khác	4671
<i>(Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh)</i>	
Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730
<i>(trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG)</i>	

Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe tải nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách đường bộ)	4932
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt)	5221
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không)	5223
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
Cho thuê xe có động cơ	7710
Hoạt động cấp tín dụng khác - Chi tiết: Đại lý đối ngoại tệ	6495
Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7990
Dịch vụ ăn uống khác - Chi tiết: Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không, dịch vụ cung cấp suất ăn đường sắt.	5629

Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành, được đăng ký/ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh và được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (dangkykinhdoanh.gov.vn) phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện quy định này.
3. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy

định của pháp luật và Điều lệ này, thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

4. Công ty có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào Công ty con; quản lý, chỉ đạo, chỉ phối Công ty con theo tỷ lệ nắm giữ Vốn điều lệ của Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp luật không cấm, phù hợp với định hướng, điều phối của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

1. Vốn điều lệ của Công ty là **1.334.813.100.000 VNĐ** (Một nghìn ba trăm ba mươi bốn tỷ tám trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **133.481.310 cổ phần** với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng), trong đó:
 - Cổ phần phổ thông: 133.481.310 cổ phần
 - Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm: Cổ phần ưu đãi biểu quyết; Cổ phần ưu đãi cổ tức; Cổ phần ưu đãi hoàn lại; Cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quy định. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau trong loại cổ phần đó. Trường hợp Công ty có các loại Cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông.
7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Số cổ phần được quyền chào bán của Công ty là tổng số cổ phần do Đại hội đồng cổ

đồng quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:

- a. Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Công ty;
 - b. Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán nếu có. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
 - c. Cổ phần phát hành cho nhân viên theo chương trình phát hành cổ phần ưu đãi cho nhân viên (ESOP) do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn nếu có.
 - d. Các trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Khi chào bán cổ phần phổ thông, Công ty phải ưu tiên mời các cổ đông hiện hữu mua theo tỷ lệ sở hữu tương ứng. Trường hợp muốn chào bán theo cách khác, phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ tán thành ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Công ty phải thông báo bằng văn bản về việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần và dành cho cổ đông thời hạn đăng ký mua tối thiểu là hai mươi (20) ngày làm việc.

Đối với số cổ phần mà cổ đông không đăng ký mua hết, Hội đồng quản trị có quyền phân phối cho các đối tượng khác. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị phải ưu tiên chào bán số dư này cho các cổ đông còn lại của Công ty trước khi bán cho người ngoài. Điều kiện chào bán này không được thuận lợi hơn so với điều kiện đã mời chào cổ đông hiện hữu ban đầu, trừ khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu và sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó với điều kiện phải đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho

Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
5. Sổ đăng ký cổ đông: Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Sổ đăng ký cổ đông phải bằng văn bản và tập dữ liệu điện tử có đủ các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Sổ đăng ký cổ đông được đăng ký và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).
7. Trường hợp có thay đổi về nội dung Sổ đăng ký cổ đông liên quan tới bất kỳ cổ đông nào, thì cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Công ty tiến hành việc điều chỉnh thông tin của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông tại VSDC. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho cổ đông do địa chỉ của cổ đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến cổ đông, gửi tài liệu cho cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định pháp luật.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Tất cả các cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán.
3. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần ngay sau khi những thông tin về cổ đông việc chuyển nhượng cổ phần được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSDC. Chỉ các cổ đông có tên trong Sổ đăng ký cổ đông mới được coi là cổ đông hợp pháp của Công ty.
4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
5. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

1. Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:
 - a. **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được thực hiện tất cả các quyền hạn của mình mà không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng quản trị theo Điều lệ này;
 - b. **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các cổ đông;
 - c. **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về việc giám sát Hội đồng quản trị, tình hình hoạt động, quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
 - d. **Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát kiểm tra và giải trình từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.
 - c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ đông của Công ty theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi đại diện theo ủy quyền. Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử đại diện theo ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông;
 - b. Số lượng đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi đại diện theo ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng đại diện theo ủy quyền;
 - d. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu ủy quyền;
 - e. Họ, tên, và chữ ký của đại diện theo ủy quyền và Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông đó.
5. Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện hoặc người đại diện của Cổ đông là tổ chức không thực hiện được các công việc được ủy quyền thì Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức đó có quyền đại diện cho Cổ đông là tổ chức đó thực hiện quyền của Cổ đông tổ chức đó.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông

rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện, hình thức khác đến Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Khi có sự thay đổi thông tin cá nhân, địa chỉ liên hệ, Cổ đông phải thông báo chính xác, kịp thời thay đổi này với cơ quan lưu ký chứng khoán hoặc với Công ty (nếu cổ phiếu chưa lưu ký).
9. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của Cổ đông tại cuộc họp; trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được tổ chức trực tuyến qua mạng. Cổ đông có thể đăng ký tham dự đại hội và thực hiện quyền biểu quyết của mình đối với các vấn đề tại cuộc họp thông qua mạng một cách thuận tiện và hiệu quả.

Cổ đông tham dự và bỏ phiếu trực tuyến cũng được coi như Cổ đông đó tham dự Đại hội trực tiếp. Do đó, các Cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp/bỏ phiếu trực tuyến của Công ty thì được coi là Cổ đông trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu cũng có giá trị như Cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Cổ đông thực hiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức dùng mã đăng nhập do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông cung cấp để đăng nhập vào hệ thống khi Đại hội đồng cổ đông được tiến hành;
 - b. Mã đăng nhập của Cổ đông được Ban tổ chức quy định phù hợp với yêu cầu của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến tại thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Sau khi Cổ đông (hoặc người được ủy quyền) đăng nhập vào hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, Cổ đông có thể thực hiện các quyền của mình theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp;
 - d. Công ty ban hành Quy chế Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phù hợp tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết), thành viên không điều hành, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- e. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - d. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
 - e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
 - h. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản

- trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - l. Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng có lợi ích liên quan theo Khoản 10 Điều 53 của Điều lệ này;
 - m. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - n. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - o. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - p. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - q. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - r. Mức cổ tức đối với mỗi Cổ phần của từng loại;
 - s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại Điểm m, n, o, p, q, r Khoản 1 Điều này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.
 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 4. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp; hoặc văn bản ủy quyền có thể được Cổ đông gửi tới Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp chậm nhất 48 giờ trước khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người

tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định từ Điều 18 đến Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy

định tại Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Danh sách Cổ đông: Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty;
 - Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng nhận căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký Cổ đông của từng Cổ đông.
 - Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của Cổ đông trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong Sổ đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu.
 - Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký Cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng thư điện tử (email), và/hoặc qua các doanh nghiệp chuyển phát có bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký và/hoặc các hình thức khác đảm bảo đến được Cổ đông. Trường hợp Công ty gửi giấy mời họp bằng gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được lưu trữ và cung cấp bởi VSDC, hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty.

Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày

khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, người triệu tập họp đại hội hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của Cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; Ban kiểm tra tư cách Cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương

trình theo các cách sau:

- a. Giao thẻ biểu quyết;
 - b. Thu thẻ biểu quyết;
 - c. Cách thức khác do Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông quyết định.
Kết quả biểu quyết sẽ được chủ tọa thông báo cho Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp.
7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị thay đổi.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
9. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
10. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 10 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
12. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.

Điều 20. Hình thức Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp

quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo Điểm a Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến sẽ được gửi theo phương thức gửi thư mời họp được quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này. Tài liệu về nội dung lấy ý kiến sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức biểu quyết, kèm

theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty đăng tải kết quả kiểm phiếu trên trang thông tin điện tử của Công ty thì phải thực hiện trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu từ **năm mươi một phần trăm (51%)** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị

tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có Cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về

các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:
- a. Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - b. Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên.
 - c. Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d. Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - e. Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - f. Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - g. Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều 28 Điều lệ này.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty (trường hợp công ty niêm yết) không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên.
Trường hợp công ty niêm yết, số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau:
 - a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
 - b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
 - c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị; và quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của

Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là Người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị
- a. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - (i) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty;
 - (ii) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - (iii) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - (iv) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - (v) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
5. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Cụ thể, Hội đồng quản trị tổ chức soạn thảo kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trước ngày 31/12 của năm liền trước hoặc ngày 31/1 của năm đó.

- b. Định hướng, quyết định chiến lược và các khung chính sách về phát triển bền vững, chuyển đổi số, và quy chế quản trị rủi ro phù hợp với bối cảnh phát triển của Công ty;
- c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
- g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 14 và Điều 44 Điều lệ này và theo quy định pháp luật.
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Ban Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Kế toán trưởng, các thành viên trong các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và Người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những Người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con và Đơn vị phụ thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- r. Hoạt động kinh doanh cốt lõi: theo tiêu chí và do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn: việc mở rộng hoặc thu hẹp hoạt động kinh doanh cốt lõi; thay đổi mô hình, phương thức hoạt động;
- s. Lương thưởng, thù lao, chi phí của Tiểu ban và các cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng

quản trị;

- t. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ không phải chịu trách nhiệm liên đới đối với bất kỳ hành động hay trách nhiệm nào của bất kỳ Người quản lý doanh nghiệp nào chỉ vì lý do đơn thuần là Người quản lý doanh nghiệp đó đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc chỉ định, và/hoặc được thành viên Hội đồng quản trị đó đề cử hoặc chỉ định, và/hoặc Người quản lý doanh nghiệp đó là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.
6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là:
 - a. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 30 Điều lệ này;
 - c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).
 - f. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - g. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
 - h. Kết quả giám sát đối với Người điều hành khác;
 - i. Các kế hoạch trong tương lai.
7. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có các trách nhiệm sau:
 - a. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động của Công ty.

- b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- c. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty.
- d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
- f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020.
- g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Người quản lý khác của Công ty.
- h. Thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Người quản lý khác

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng Giám đốc và Người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tiểu ban Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị;
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên

Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo Điều lệ này trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung Phiếu biểu quyết.
 - f. Giám sát và đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
 - i. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của trên 50% tổng số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Nghị quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
 - j. Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; Theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban (nếu có) và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
6. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
 - e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) thành viên Hội đồng quản trị khác ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) thành viên Hội đồng quản trị khác được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa

số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
 3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết);
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
 - e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và Biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Biểu quyết.
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết; Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Theo quy định tại Điểm c Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 53 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
12. Thành viên của Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
13. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành

viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

14. Biểu quyết: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.
15. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

16. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:
 - a. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và lập ra Biên bản kiểm phiếu;
 - d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.
2. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.
3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
7. Nội dung được trên 50% tổng số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 34. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám

độc, Người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp và giải trình các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 36. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Hoạt động của Người phụ trách quản trị Công ty phải theo quy định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.
2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật;
- j. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc của mình;
- k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua đúng quy định của pháp luật.

Bộ máy quản lý điều hành của Công ty sẽ chịu trách nhiệm và dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 39. Người điều hành

1. Người điều hành bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc được quy định tại Điểm r Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký Hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến tuyển dụng.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
3. Tổng Giám đốc là Người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng Giám đốc phải luôn luôn hành động theo chiều hướng tốt và vì lợi ích của Công ty trong việc đưa ra các quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
 - c. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ.
 - d. Tổng Giám đốc không được là Người có liên quan của Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và Công ty mẹ.
 - e. Tiêu chuẩn khác do pháp luật quy định.
5. Tổng Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Hội đồng quản trị có quyền ban hành quy chế quản lý nội bộ về công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Giám đốc để phân cấp thẩm quyền cho phù hợp;
 - b. Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt về Định hướng phát triển, Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - c. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp bất khả kháng, khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) nếu có rủi ro liên quan đến tính mạng, sức khỏe con người hoặc thiệt hại đến 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo trong vòng 24 giờ cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp;
 - d. Tổ chức thực hiện và tuân thủ các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo thực hiện ý kiến chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị;

- e. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - f. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; và thực hiện thẩm quyền ban hành các văn bản quản lý nội bộ theo phân cấp tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; ban hành quy định quản lý nội bộ để vận hành hệ thống tổ chức điều hành của Công ty phù hợp với các quy chế và phạm vi phân cấp do Hội đồng quản trị quy định;
 - g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - h. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - i. Tuyển dụng lao động;
 - j. Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với Người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - k. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - l. Xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị đối với các hợp đồng nguyên tắc / hợp đồng khung không quy định giá trị cụ thể, và các hợp đồng nằm ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi (bao gồm cả các loại hợp đồng hay mô hình kinh doanh chưa từng được Hội đồng quản trị cho phép áp dụng) trước khi ký kết và thực hiện các hợp đồng này.
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký, quyết định bổ nhiệm với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
7. Tư cách Tổng Giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau:
- a. Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
 - b. Không còn đủ điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - c. Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - d. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
8. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

9. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này.
10. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo ủy quyền.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 41. Trách nhiệm của Người quản lý

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có các trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và Người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
 - e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ tiền thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba theo quy định của pháp luật và, nếu áp dụng, Điều lệ này.

Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Việc công khai hóa lợi ích và Người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những Người có liên quan của Công ty theo quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của họ, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a. Công ty phải thông báo danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách Người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những Người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai Người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được trên 50% tổng số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 43. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty (nếu có ủy quyền của Công ty) khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm nghĩa vụ Người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;
 - b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - e. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
 3. Cổ đông, nhóm Cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện. Cổ đông, nhóm Cổ đông phải duy trì điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều 43 Điều lệ này.

Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 42 Điều lệ này.
2. Các hợp đồng, giao dịch ở Khoản 1 Điều này được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 53 của Điều lệ này. Trong trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông qua các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về việc các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến của Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết không đúng theo quy định tại Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; Người ký kết hợp đồng, giao dịch, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi

thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

4. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 47. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp

- thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác.
 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.
 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 9. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
 10. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
 11. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
 12. Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty.
 13. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
 14. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
 15. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 16. Các thông tin và tài liệu Ban kiểm soát được phép tiếp cận và thu thập được mô tả như sau:
 - a. Khi cần tiếp cận thông tin của Công ty, thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và phải bảo mật tuyệt đối các thông tin và tài liệu thu thập được trong quá trình giám sát các hoạt động của Công ty. Việc tiết lộ các thông tin và tài liệu này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo các quy định pháp luật.
 - b. Các thông tin và tài liệu được nêu trên bao gồm:

- (i) Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - (iii) Báo cáo của Tổng Giám đốc;
 - (iv) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm cấp Công ty, cấp bộ phận kinh doanh, cấp đơn vị kinh doanh và cấp Công ty con);
 - (v) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
 - (vi) Các tài liệu khác có liên quan.
- c. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thu xếp để cung cấp các tài liệu và thông tin được Ban kiểm soát yêu cầu;
17. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 50. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 51. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty

để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
6. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì người phát hiện phải thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Điều lệ này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác mà chỉ phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên Vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác và những Người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Khi tiến hành giao dịch với Người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ đông và những Người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.
7. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là cá nhân và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân.
8. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Cổ đông là tổ chức và Người có liên quan của Cổ đông đó là cá nhân trừ trường hợp Cổ đông là Công ty con trong trường hợp Công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của Công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.
9. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người có liên quan của Cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là Người có liên quan của Cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu giá trị giao dịch từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc phải được Hội đồng quản trị thông qua nếu giá trị giao dịch dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; đồng thời tổ chức là Người có liên quan không phải là Cổ đông của Công ty theo quy định tại Khoản 9 Điều này.
10. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

- a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác không phải là Cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này. Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác mà Công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là Cổ đông của Công ty quy định tại Khoản 9 Điều này) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - b. Giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này;
 - (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ;
 - (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
11. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận:
- a. Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại Điểm a Khoản 10 Điều này mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản quy định tại Điểm c Khoản 10 Điều này có giá trị bằng hoặc dưới mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
12. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác và những Người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 55. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu kiểm tra do phía đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông và nhóm cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hằng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông

và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 56. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch và báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Công ty khi được yêu cầu.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 57. Phân phối lợi nhuận

1. Hàng năm, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:
 - a. Bù đắp lỗ các năm trước (nếu có);
 - b. Trích lập quỹ đầu tư phát triển;
 - c. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d. Trích lập quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Trả cổ tức cho Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
2. Tỷ lệ trích các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
4. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản

ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 58. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 59. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 60. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng theo quy định của pháp luật và/hoặc do Hội đồng quản trị yêu cầu phải được phê duyệt và ký bởi Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 61. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 62. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 63. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo định kỳ và bất thường theo quy định của Luật Chứng khoán, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán nhằm đảm bảo Cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu nhầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư.

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 64. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII. CON DẤU VÀ BẢO MẬT

Điều 65. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu (số lượng 01 con dấu) hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Con dấu Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ và có nội dung theo quy định của pháp luật.
2. Con dấu được đặt tại trụ sở chính của Công ty, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) và phải được quản lý chặt chẽ.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 66. Bảo mật

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị, thì không một thành viên nào của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý, Người điều hành, Cổ đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công ty trừ các trường hợp cung cấp thông tin cho Cổ đông, Người quản lý, Người điều hành, Ban kiểm soát, kiểm toán viên và các cá nhân, tổ chức khác tuân thủ theo quy định pháp luật và theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 67. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc Thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 68. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số Cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 69. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc Thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi

có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm e Khoản 3 của Điều này sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Người điều hành khác.
 - c. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu

quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 71. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Trong trường hợp có xung đột, các quy định bắt buộc của pháp luật Việt Nam và/hoặc quy định của Sở giao dịch chứng khoán sẽ được ưu tiên áp dụng; các điều khoản liên quan của Điều lệ có hiệu lực trong phạm vi pháp luật cho phép và vô hiệu trong phạm vi xung đột mà không ảnh hưởng đến các phần còn lại của Điều lệ.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 72. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương, 72 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất nhất trí thông qua ngày 08 tháng 10 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



DƯ KIM THẮNG

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2.	Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 3.	Hội đồng quản trị	14
Điều 4.	Ban Kiểm soát.....	20
Điều 5.	Tổng Giám đốc	21
Điều 6.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	22
Điều 7.	Hiệu lực thi hành	23

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất ("SASCO" hoặc "Công ty");

Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty SASCO và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2026 ngày 08 tháng 10 năm 2026.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty SASCO bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. **Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.
3. **Giải thích từ ngữ:** Các thuật ngữ chưa được giải thích trong Quy chế này được hiểu theo Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
 - 3.1. *Hoạt động kinh doanh cốt lõi* là bất kỳ ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh hoặc dòng sản phẩm/dịch vụ nào của Công ty (bao gồm của cả các Công ty con) đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:
 - a. Đóng góp từ 10% trở lên vào Tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty trong hai (02) năm tài chính gần nhất căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty; hoặc
 - b. Đóng góp từ 10% trở lên vào Tổng lợi nhuận gộp (hoặc Lợi nhuận trước thuế) hợp nhất của Công ty trong hai (02) năm tài chính gần nhất căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty.
 - c. Các hoạt động kinh doanh khác được Hội đồng quản trị xác định là cốt lõi, quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty, tùy từng thời kỳ.
 - 3.2. *Hoạt động kinh doanh hằng ngày* hay *công việc kinh doanh hằng ngày* là các hoạt động sau của Công ty, trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác:
 - a. việc vận hành công ty hoạt động kinh doanh đa ngành, đa nghề nhưng bảo đảm tuân thủ tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi;
 - b. việc quyết định, phê duyệt các phương án huy động vốn lưu động có giá trị không quá 60 (sáu mươi) tỷ đồng;
 - c. việc quyết định đối với các hoạt động đầu tư, mua sắm, nâng cấp, sửa chữa lớn tài sản có giá trị không quá 05 (năm) tỷ đồng cho một đơn vị tài sản, hệ thống tài sản hoặc lô tài sản, theo quy định trong kế hoạch được Hội đồng Quản trị phê duyệt hàng

năm;

- d. việc quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có nguyên giá không quá 08 (tám) tỷ đồng tính trên một đơn vị tài sản, hệ thống tài sản hoặc lô tài sản. Việc thanh lý, nhượng bán là việc hủy, bán thanh lý tài sản lạc hậu kỹ thuật; tài sản hư hỏng không phục hồi được; tài sản hết giá trị hoặc còn giá trị sử dụng nhưng hư hỏng, mất phẩm chất, sử dụng không hiệu quả;
 - e. việc quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức cấp Tổ, Đội, Phòng chức năng trực thuộc đơn vị và tương đương; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị theo sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
 - f. việc quyết định bổ nhiệm/miễn nhiệm các chức danh quản lý của Công ty theo định biên đã được Hội đồng Quản trị thông qua, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm của Hội đồng Quản trị;
 - g. việc tuyển dụng; ký kết Hợp đồng lao động và các văn bản liên quan đối với người lao động Công ty. Đối với người lao động giữ chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ký Hợp đồng lao động theo Quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - h. việc quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động Công ty, trừ Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích khác đối với Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định;
 - i. đánh giá, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động Công ty. Đối với người lao động giữ chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc ban hành quyết định khen thưởng, kỷ luật theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và theo quy định của pháp luật về lao động;
 - j. ban hành các quy định, quy trình quản lý nhân sự theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, và Quyết định của Hội đồng Quản trị; và
 - k. các hoạt động khác theo phân công cho Tổng Giám đốc để thi hành Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (bao gồm nhưng không giới hạn ở Kế hoạch kinh doanh, định hướng phát triển công ty); theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. **Nguyên tắc áp dụng:** Quy chế này được áp dụng thống nhất với pháp luật và Điều lệ Công ty. Nếu có sự khác nhau thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; Hội đồng quản trị phải kịp thời trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Quy chế đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- 1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 1.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - h. Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - l. Phê duyệt việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng có lợi ích liên quan theo khoản 10 Điều 53 của Điều lệ Công ty;
 - m. Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - n. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - o. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - p. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - q. Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - r. Thông qua mức cổ tức đối với mỗi Cổ phần của từng loại;
 - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 1.3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại các mục m, n, o, p, q, r điểm 1.2 khoản 1 Điều 2 Quy chế này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.
- 1.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 1.5. Nếu có nội dung nào đã được thông qua tại các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó mà chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.
- 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:**
- 2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:
Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.
- 2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:
a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng nhận căn cước, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
 - c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.
 - d. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật.
- 2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:
- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
 - b. Thông báo mời họp phải được gửi bằng thư điện tử (email), và/hoặc qua các doanh nghiệp chuyển phát có bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông đã đăng ký và/hoặc các hình thức khác bảo đảm đến được cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Thông báo mời họp ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu dự họp. Trường hợp Công ty gửi Thông báo mời họp bằng hình thức gửi thư điện tử (email) thì địa chỉ thư điện tử của cổ đông nhận thông báo là địa chỉ được lưu trữ và cung cấp bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), hoặc địa chỉ thư điện tử do Cổ đông đăng ký với Công ty.
- 2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:
- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại mục b điểm 2.5 khoản 2 Điều 2 Quy chế này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại mục b điểm 2.5 khoản 2 Điều 2 Quy chế này;

- (ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
 - (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại mục b điểm 2.5 khoản 2 Điều 2 Quy chế này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 17 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 - c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp; hoặc Cổ đông có thể gửi văn bản ủy quyền tới Công ty hoặc địa điểm họp được xác định tại thông báo mời họp chậm nhất 48 giờ trước khi tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 - d. Đối với cổ đông là tổ chức, người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó có quyền đại diện cổ đông thực hiện quyền của cổ đông tại Công ty theo Điều 11 Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp cổ đông có văn bản ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện quyền của cổ đông theo quy định.
 - e. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
- 2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:
- a. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - c. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền của Cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 2.8. Điều kiện tiến hành:
- a. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản này, người triệu tập họp đại hội huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
 - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định như vừa nêu thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ Công ty.
- 2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
- a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
 - b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - (i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - (ii) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - (iii) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - (iv) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - (v) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - (vi) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - (vii) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 2.10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình theo các cách sau:

- a. Giơ thẻ biểu quyết;
 - b. Thu thẻ biểu quyết;
 - c. Cách thức khác do Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Kết quả biểu quyết sẽ được chủ tọa thông báo cho Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp.

2.11. Cách thức kiểm phiếu biểu quyết:

- a. Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- b. Nếu có vấn đề phát sinh và cổ đông có yêu cầu phù hợp với quy định pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

2.12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

- a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - (v) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - (vi) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại mục a điểm 2.12 khoản 2 Điều 2 Quy chế này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
- c. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban Kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại mục a điểm 2.14 khoản 2 Điều 2 Quy chế này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
 - c. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - (i) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
 - (ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.
 - b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - c. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 2.16. Công bố Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông:
- a. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua, trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - b. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 3. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**
- 3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Theo quy định tại điểm 2.9 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.
 - 3.2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có

quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm 2.2 khoản 2 Điều 2 Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến sẽ được gửi theo phương thức gửi thư mới hợp được quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 Quy chế này. Tài liệu về nội dung lấy ý kiến sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.
- c. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - (i) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - (iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
- d. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- e. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty đăng tải kết quả kiểm phiếu trên trang thông tin điện tử của Công ty thì phải thực hiện trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- g. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện theo quy định pháp luật; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và các quy định dưới đây:

4.1. Thông báo triệu tập họp trực tuyến:

- a. Thực hiện theo quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.
 - b. Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.
- 4.2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
- Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp được quy định rõ tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:
- a. Điều kiện tham gia:
 - (i) Có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.
 - (ii) Đại diện uỷ quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - b. Yêu cầu kỹ thuật:
 - Cổ đông/đại diện cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet.
 - c. Cách thức ghi nhận cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
 - (i) Cổ đông/đại diện cổ đông được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông/đại diện cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại mục d điểm 4.2 khoản 4 Điều 2 Quy chế này. Thời điểm đăng nhập, đăng xuất và trạng thái tham dự phải được hệ thống lưu vết để xác định điều kiện tiến hành cuộc họp.
 - d. Cung cấp thông tin đăng nhập và bỏ phiếu điện tử:
 - (i) Cổ đông thực hiện tham dự ĐHĐCĐ thông qua hình thức dùng mã đăng nhập do Ban tổ chức ĐHĐCĐ cung cấp để đăng nhập vào hệ thống khi ĐHĐCĐ được tiến hành.
 - (ii) Mã đăng nhập của cổ đông được Ban tổ chức quy định phù hợp với yêu cầu của đơn vị cung cấp dịch vụ trực tuyến tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ.
 - (iii) Sau khi cổ đông (hoặc người được uỷ quyền) đăng nhập vào hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến, cổ đông có thể thực hiện các quyền của mình theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
 - (iv) Cổ đông tham dự trực tuyến cũng được coi như cổ đông đó tham dự Đại hội trực tiếp. Do đó, các cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp/bỏ phiếu trực tuyến của Công ty thì được coi là cổ đông trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu cũng có giá trị như cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ.
- 4.3. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến:
- a. Cổ đông thực hiện uỷ quyền theo quy định tại điểm 2.6 khoản 2 Điều 2 Quy chế này, trừ trường hợp các quy định cụ thể đối với uỷ quyền trực tuyến dưới đây có quy định khác.
 - b. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện uỷ quyền trực tuyến:
 - (i) Các cổ đông cần tuân thủ việc cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện uỷ quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận uỷ quyền: Số điện thoại, địa chỉ liên lạc, email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận uỷ quyền;
 - (ii) Hiệu lực của uỷ quyền trực tiếp: Việc uỷ quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thoả mãn các điều kiện sau:
 - (A) Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu uỷ quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện uỷ quyền trực tuyến.

- (B) Giấy uỷ quyền được in ra theo mẫu uỷ quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên uỷ quyền và cả bên nhận uỷ quyền;
- (C) Công ty nhận được Giấy uỷ quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội khai mạc chính thức;
- (iii) Huỷ bỏ uỷ quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị huỷ uỷ quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc Đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc huỷ uỷ quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị huỷ uỷ quyền trực tuyến.
- (iv) Trường hợp Công ty nhận được văn bản đề nghị huỷ uỷ quyền sau thời điểm khai mạc Đại hội, việc huỷ bỏ uỷ quyền này sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền tham dự và hiệu lực phiếu biểu quyết/bầu cử mà đại diện theo uỷ quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

4.4. Điều kiện tiến hành:

- a. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện theo quy định tại điểm 2.8 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.
- b. Công ty ban hành Quy chế ĐHĐCĐ trực tuyến phù hợp tại mỗi kỳ ĐHĐCĐ.

4.5. Thảo luận tại trực tuyến:

- a. Nguyên tắc:
 - (i) Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ;
 - (ii) Chỉ có cổ đông/đại diện cổ đông mới được tham gia thảo luận;
 - (iii) Cổ đông/đại diện cổ đông có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
 - (iv) Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của cổ đông/đại diện cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
- b. Giải đáp ý kiến của cổ đông/đại diện cổ đông:
 - (i) Trên cơ sở nội dung thảo luận của cổ đông/đại diện cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông/đại diện cổ đông.
 - (ii) Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

4.6. Hình thức, điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tuyến:

ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử. Điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tuyến được áp dụng theo điểm 2.12 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

4.7. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - (i) Cổ đông/đại diện cổ đông chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử;
 - (ii) Sau đó, cổ đông/đại diện cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

Việc bỏ phiếu bầu cử được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và trực tuyến, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.8. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

- a. Khi cổ đông/đại diện cổ đông thực hiện biểu quyết, số phiếu biểu quyết đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, số biểu quyết không tán thành và số biểu quyết không ý kiến, đối với từng vấn đề, kèm thời điểm ghi nhận và mã số phiếu để có thể kiểm tra, đối soát.
- b. Kết quả bầu cử trực tuyến được ghi nhận trên hệ thống theo phương thức bầu dồn phiếu; kết quả bầu cử và ứng viên trúng cử được ghi nhận trên hệ thống, bảo đảm đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.9. Thông báo kết quả kiểm phiếu trực tuyến:

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu ghi nhận tại điểm 4.8 khoản 4 Điều 2 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu/bầu cử sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4.10. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

- a. Việc lập biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến được thực hiện theo quy định tại điểm 2.15 khoản 2 Điều 2 Quy chế này;
- b. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản là địa điểm Chủ tọa đại hội có mặt để điều khiển đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- c. Hình thức thông qua biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến được quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp ĐHĐCĐ.

4.11. Công bố nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến:

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện theo quy định tại điểm 2.16 khoản 2 Điều 2 Quy chế này.

- 4.12. Đối với những vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ trực tuyến mà chưa có quy định tại khoản 4 này thì sẽ áp dụng các quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 2 của Quy chế này.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

Việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến được thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định tương tự tại khoản 2 và khoản 4 Điều 2 của Quy chế này.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- 1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 1.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.
- 1.3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp và giải trình các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong

Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty (trường hợp công ty niêm yết) không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện, quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định tại các Điều 27 và 28 Điều lệ Công ty.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- (i) Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
- (ii) Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- (iii) Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- (iv) Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- (v) Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- (vi) Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
- (vii) Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.

b. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- (i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- (ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo mục a khoản 2.3 này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo mục a khoản 2.3 này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số

- phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy chế bầu cử.
- 2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.
- 2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
- 2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:
- Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ quản lý;
 - Các lợi ích liên quan tới Công ty (nếu có)
 - Ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
- 2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. **Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:** Theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.
4. **Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:**
- Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
 - Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết);
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;
Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
 - e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại mục a điểm 4.2 khoản 4 Điều 3 Quy chế này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 4.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định):
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- 4.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên của Hội đồng quản trị: Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 4.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
- a. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.
 - b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 4.6. Cách thức biểu quyết:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:

- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm 4.8 khoản 4 Điều 3 Quy chế này.
- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.
- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4.7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung theo quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- b. Nội dung được trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành được ghi nhận tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4.10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm 4.9 khoản 4 Điều 3 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

4.11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật.

5. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

- 5.1. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị;
- 5.2. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
- 5.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị;
- 5.4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành (trên 50%), trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 5.5. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.
6. **Thẩm quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm nhân sự của Hội đồng Quản trị:**
 - 6.1. Các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm của Hội đồng Quản trị bao gồm:
 - a. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Công ty;
 - b. Kế toán trưởng;
 - c. Cấp trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty;
 - d. Người phụ trách quản trị Công ty;
 - e. Cấp trưởng các Tổ/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị.
 - f. Cấp trưởng của chức năng Kiểm toán nội bộ
 - 6.2. Đối với trường hợp cấp trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty hoặc cấp trưởng các Tổ/Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị nghỉ việc, việc miễn nhiệm chức danh của các đối tượng này sẽ mặc nhiên có hiệu lực từ thời điểm nghỉ việc thể hiện tại quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Hội đồng Quản trị không cần ban hành quyết định miễn nhiệm đối với các trường hợp này.
7. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị có quyền thành lập các tiểu ban về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro và các lĩnh vực cần thiết khác theo Điều 36 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
8. **Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:**
 - 8.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
 - 8.2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty phải hoạt động theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

- 8.3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
- 8.4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: Theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. **Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:** Theo quy định tại các Điều 48 và 51 của Điều lệ Công ty.
2. **Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:**
 - 2.1. **Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:**
 - a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
 - b. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá năm (05) năm; kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - c. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
 - 2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Theo quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.
 - 2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - (i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (ii) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Điều 45 của Điều lệ Công ty làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo Điều 45 của Điều lệ Công ty thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
 - 2.4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện tương tự quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 3 Quy chế này.
 - 2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Công ty.
 - 2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật.

2.7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

- a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
- b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

- 1.1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc phải luôn luôn hành động theo chiều hướng tốt và vì lợi ích của Công ty trong việc đưa ra các quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- 1.2. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị đối với các hợp đồng nguyên tắc/ hợp đồng khung không quy định giá trị cụ thể, và các hợp đồng nằm ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi (bao gồm cả các loại hợp đồng hay mô hình kinh doanh chưa từng được Hội đồng quản trị cho phép áp dụng) trước khi ký kết và thực hiện các hợp đồng này.
- 1.3. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng Quản trị đối với việc nộp hồ sơ thầu và/hoặc các hợp đồng thuê mới/gia hạn cho vị trí mặt bằng kinh doanh tại các nhà ga mà nằm ngoài kế hoạch được duyệt;
- 1.4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- a. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
- b. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Điều lệ Công ty.

2.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

Tư cách Tổng Giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau:

- a. Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu

- quyết tán thành (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
- b. Không còn đủ điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 5 Quy chế này;
 - c. Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - d. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2.3. **Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:**
Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký Hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến tuyển dụng.
- 2.4. **Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:**
Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.
- 2.5. **Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:**
Công ty có trách nhiệm công bố thông tin cho các cơ quan hữu quan, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật.
- 2.6. **Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:** Theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp theo các nguyên tắc sau:
 - 1.1. Việc triệu tập, thông báo mời họp, lập biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và/hoặc Tổng Giám đốc phải được thực hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ quản trị;
 - 1.2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi kịp thời cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, trừ thông tin bị hạn chế tiếp cận theo pháp luật;
 - 1.3. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo tiến độ, khó khăn, rủi ro cùng biện pháp xử lý;
 - 1.4. Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc chủ thể có quyền theo Điều lệ Công ty có thể yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị và nêu rõ vấn đề cần xem xét;
 - 1.5. Tổng Giám đốc cung cấp báo cáo định kỳ, đột xuất và thông tin quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 1.6. Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, và giám sát việc thực hiện nghị quyết, việc phân cấp và ủy quyền cho Tổng Giám đốc, và các hoạt động kinh doanh hằng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
 - 1.7. danh mục báo cáo, dữ liệu, thời hạn, đầu mối và phương thức cung cấp thông tin phải được chuẩn hóa, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo mật;
 - 1.8. các bên phối hợp kiểm soát tuân thủ, quản trị rủi ro, giao dịch với người có liên quan, xung đột lợi ích và công bố thông tin.
2. Hằng năm, Hội đồng quản trị chủ trì, có ý kiến của Ban kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, các tiểu ban, Ban kiểm soát, Tổng Giám

đốc và người quản lý làm cơ sở trình/áp dụng chế độ khen thưởng, thù lao, miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc kỷ luật đúng thẩm quyền; kết quả đánh giá được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có thể phối hợp xây dựng Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc dựa trên các quy tắc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp xây dựng chiến lược và các khung chính sách về phát triển bền vững, chuyển đổi số, an ninh thông tin, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro phù hợp với bối cảnh phát triển của Công ty.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất bao gồm 7 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

[Signature] CHỦ TỊCH *[Signature]*



NGUYỄN HẠNH



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**



TP.HCM, ngày 08 tháng 10 năm 2026

Mục lục

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	7
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	10
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	11
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	13
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	13
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	14
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	15
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	16
Điều 17. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	17
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	18
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	18
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	20
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	20
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	21
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 24. Hiệu lực thi hành	21

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất ("Công ty");

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2026 ngày 08 tháng 10 năm 2026;

Hội đồng quản trị xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2026 ngày 08 tháng 10 năm 2026;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.
3. **Giải thích từ ngữ:** Các thuật ngữ chưa được giải thích trong Quy chế này được hiểu theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
4. **Nguyên tắc áp dụng:** Quy chế này được áp dụng thống nhất với pháp luật, Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Nếu có sự khác nhau thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; Hội đồng quản trị phải kịp thời trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Quy chế đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi quyền hạn được

giao theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc giao nhiệm vụ, phân cấp hoặc ủy quyền không làm chuyển giao trách nhiệm giám sát của Hội đồng quản trị.

3. Tổng Giám đốc không được tự quyết định các vấn đề vượt phạm vi hoạt động kinh doanh hằng ngày theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Tổng Giám đốc phải xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị (và Hội đồng quản trị có thẩm quyền) đối với các hợp đồng nguyên tắc/ hợp đồng khung không quy định giá trị cụ thể, và các hợp đồng nằm ngoài hoạt động kinh doanh cốt lõi (bao gồm cả các loại hợp đồng hay mô hình kinh doanh chưa từng được Hội đồng quản trị cho phép áp dụng) trước khi ký kết và thực hiện các hợp đồng này

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - f. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
3. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, hoặc Người quản lý khác trong Công ty cung cấp và giải trình các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty, các

- đơn vị trong Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các công ty con, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Công ty), cũng như các thông tin, tài liệu khác cần thiết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế này.
 3. Yêu cầu cung cấp thông tin được lập bằng văn bản hoặc gửi qua hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử đã đăng ký tại Công ty và phải xác định rõ:
 - a) Nội dung, phạm vi và thời kỳ của thông tin, tài liệu cần cung cấp;
 - b) Hình thức cung cấp;
 - c) Thời hạn cần nhận thông tin, tài liệu; và
 - d) Yêu cầu về giải trình hoặc xác nhận của Người quản lý, nếu có.
 4. Trong trường hợp khẩn cấp, thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu bằng lời nói, điện thoại hoặc phương tiện liên lạc khác, nhưng phải xác nhận lại bằng văn bản hoặc thư điện tử trong thời hạn một (01) ngày làm việc.
 5. Người quản lý được yêu cầu phải xác nhận việc tiếp nhận yêu cầu trong thời hạn một (01) ngày làm việc và cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, chính xác, trung thực trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Đối với thông tin, tài liệu phức tạp, cần tổng hợp từ nhiều đơn vị hoặc trích xuất từ hồ sơ lưu trữ, thời hạn cung cấp không quá bảy (07) ngày làm việc. Trường hợp thông tin, tài liệu cần thiết để phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị, việc cung cấp phải hoàn thành trước thời điểm gửi tài liệu họp (chậm nhất [03] ngày làm việc trước ngày họp) hoặc trong thời hạn khác do thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu phù hợp với tính chất cấp bách của vấn đề.
 6. Trường hợp không thể cung cấp đúng thời hạn, Người quản lý được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị trước khi hết hạn, nêu rõ lý do, phần thông tin đã có thể cung cấp, biện pháp đang thực hiện và thời điểm dự kiến hoàn thành. Việc gia hạn không được vượt quá năm (05) ngày làm việc, trừ khi thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu đồng ý khác.
 7. Thông tin, tài liệu phải được cung cấp trực tiếp cho thành viên Hội đồng quản trị đã yêu cầu, đồng thời được gửi cho Người phụ trách quản trị Công ty để ghi nhận và lưu hồ sơ. Thông tin có tính chất mật vẫn phải được cung cấp theo phương thức bảo mật phù hợp; tính chất bí mật của thông tin không phải là căn cứ để từ chối cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp pháp luật cấm cung cấp hoặc yêu cầu phải hạn chế một phần thông tin, Người quản lý phải cung cấp phần thông tin được phép và thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý của việc từ chối hoặc hạn chế.
 8. Trường hợp Người quản lý không cung cấp, cung cấp chậm, không đầy đủ hoặc không chính xác thông tin, tài liệu, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị chỉ đạo việc cung cấp và xem xét trách nhiệm của cá nhân có liên quan. Việc không thực hiện đúng yêu cầu cung cấp thông tin được xem xét trong quá trình đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xử lý trách nhiệm theo Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ và pháp luật.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp đúng mục đích thực hiện nhiệm vụ; bảo mật và không cung cấp cho bên thứ ba, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc pháp luật có quy định khác. Quyền yêu cầu thông tin không được sử dụng nhằm cản trở hoạt động bình thường của Công ty hoặc phục vụ lợi ích riêng của thành viên Hội đồng quản trị hay của tổ chức, cá nhân khác.
10. Trong trường hợp cần thiết, để phục vụ cho việc ra quyết định độc lập, khách quan và bảo vệ lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Công ty thuê các chuyên gia tư vấn độc lập (pháp lý, tài chính, kiểm toán...) để đánh giá các thông tin, tài liệu do Ban Điều hành cung cấp. Chi phí thuê chuyên gia tư vấn độc lập do Công ty chi trả theo hạn mức ngân sách hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (trường hợp công ty niêm yết) không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;
 - d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là Người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%)

- tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty trong những trường hợp xét thấy không cần thiết triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. Phê duyệt hình thức và nội dung Phiếu biểu quyết;
 - f. Giám sát và đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
 - g. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
 - i. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sau khi đã có sự thống nhất của trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số các thành viên Hội đồng quản trị (thể hiện trực tiếp bằng việc thông qua Nghị quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
 - j. Phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Công ty; Theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản trị Công ty; Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các tiểu ban (nếu có) và hội đồng của Hội đồng quản trị tối thiểu 01 năm một lần, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá đạt yêu cầu của Hội đồng quản trị trước khi tái bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực

hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) thành viên Hội đồng quản trị khác ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) thành viên Hội đồng quản trị khác được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều 28 Điều lệ Công ty;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- b. Trường hợp khác quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.
- 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
- 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết) còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết dưới đây có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị như sau:
 - a. Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - b. Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - c. Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d. Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - e. Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - f. Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - g. Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.
- 2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và

các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Cổ đông, nhóm cổ đông phải gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử đến Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định trong Thông báo mời họp để Công ty thực hiện công bố thông tin tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị (hoặc Tiểu ban Nhân sự thuộc Hội đồng quản trị, nếu có) chịu trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định tính hợp lệ của Hồ sơ đề cử, ứng cử. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đưa vào danh sách ứng cử viên trình Đại hội đồng cổ đông nếu ứng viên không đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Quy chế này hoặc Hồ sơ đề cử, ứng cử được gửi không đúng hạn, không đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
7. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu hoặc biểu quyết bằng điện tử (trường hợp họp trực tuyến).

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;

- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 2. Việc thông báo và công bố thông tin về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty. Cụ thể, Hội đồng quản trị tổ chức soạn thảo kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trước ngày 31/12 của năm liền trước hoặc ngày 31/1 của năm đó;
 - b. Định hướng, quyết định chiến lược và các khung chính sách về phát triển bền vững, chuyển đổi số, và quy chế quản trị rủi ro phù hợp với bối cảnh phát triển của Công ty;
 - c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 14 và Điều 44 Điều lệ Công ty và theo quy định pháp luật.
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký

hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với thành viên Ban Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và Kế toán trưởng, các thành viên trong các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và Người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con và Đơn vị phụ thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r. Xác định danh sách các hoạt động kinh doanh cụ thể được coi là hoạt động kinh doanh cốt lõi theo định nghĩa tại Khoản 2 Điều 4 Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - s. Lương thưởng, thù lao, chi phí của Tiểu ban và các cơ quan giúp việc thuộc Hội đồng quản trị;
 - t. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
5. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ không phải chịu trách nhiệm liên đới đối với bất kỳ hành động hay trách nhiệm nào của bất kỳ Người quản lý doanh nghiệp nào chỉ vì lý do đơn thuần là Người quản lý doanh nghiệp đó đã được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc chỉ định, và/hoặc được thành viên Hội đồng quản trị đó đề cử hoặc

chi định, và/hoặc Người quản lý doanh nghiệp đó là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền chấp thuận:
 - a. Các khoản vay hoặc bảo lãnh quy định tại điểm a khoản 10 Điều 53 Điều lệ Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:
 - (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này;
 - (ii) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - (iii) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 42 Điều lệ Công ty;
 - c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc dưới mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty giữa Công ty với Cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó.
 - d. Các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, Điều lệ Công ty và pháp luật.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện

bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ. Trường hợp báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc năm phản ánh vốn chủ sở hữu giảm từ mười phần trăm (10%) trở lên so với số đầu kỳ nhưng chưa đến mức bắt buộc nêu trên, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị báo cáo giải trình, đánh giá rủi ro và phương án khắc phục; Hội đồng quản trị phải kịp thời xem xét biện pháp xử lý và quyết định việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế hoạt động của từng tiểu ban, quy định rõ thành phần, nhiệm kỳ, phạm vi công việc, quyền tiếp cận thông tin, ngân sách, cơ chế họp, biểu quyết, xử lý xung đột lợi ích và chế độ báo cáo. Tiểu ban có chức năng tham mưu, rà soát và kiến nghị, không thay thế hoặc làm chuyển giao thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của Hội đồng quản trị; các ý kiến khác biệt phải được báo cáo đầy đủ cho Hội đồng quản trị.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết);
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Trường hợp có đề nghị của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
 - e. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc ủy quyền dự họp và biểu quyết phải được lập thành văn bản.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Việc biểu quyết trong trường hợp có xung đột lợi ích được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, và họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Việc cung cấp, trích lục, sao chép Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các tổ chức, cá nhân (ngoài thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin nội bộ của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 6. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%) tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 17. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

1. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị. Phiếu lấy ý kiến phải xác định rõ từng vấn đề, phương án biểu quyết, thời hạn trả lời, tài liệu làm căn cứ và phương thức gửi, nhận có thể kiểm tra;

2. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị;
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành (trên 50%), trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên có lợi ích liên quan không được biểu quyết đối với vấn đề có xung đột lợi ích.
5. Việc không gửi lại phiếu trong thời hạn trong Phiếu lấy ý kiến được coi là không tham gia biểu quyết.
6. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành biên bản kiểm phiếu, lưu cùng hồ sơ nghị quyết.
7. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua. Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - (i) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - (ii) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - (iii) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - (iv) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).
 - (v) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
 - (vi) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

- (vii) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- (viii) Các kế hoạch trong tương lai.
- b. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- c. Báo cáo tài chính;
- d. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- e. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tiểu ban Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được trên 50% tổng số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành là quan hệ phối hợp căn cứ theo nguyên tắc phối hợp quy định tại Điều 6 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Tổng Giám đốc phối hợp theo các nguyên tắc sau:
 - a. việc triệu tập, thông báo mời họp, lập biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Tổng Giám đốc phải được thực hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ quản trị;
 - b. nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi kịp thời cho Tổng Giám đốc, trừ thông tin bị hạn chế tiếp cận theo pháp luật;
 - c. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo tiến độ, khó khăn, rủi ro cùng biện pháp xử lý;
 - d. Tổng Giám đốc hoặc chủ thể có quyền theo Điều lệ có thể yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị và nêu rõ vấn đề cần xem xét;
 - e. Tổng Giám đốc cung cấp báo cáo định kỳ, đột xuất và thông tin quản trị theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - f. Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, và giám sát việc thực hiện nghị quyết, việc phân cấp và ủy quyền cho Tổng Giám đốc, và các hoạt động kinh doanh hằng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
 - g. danh mục báo cáo, dữ liệu, thời hạn, đầu mối và phương thức cung cấp thông tin phải được chuẩn hóa, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo mật;
 - h. các bên phối hợp kiểm soát tuân thủ, quản trị rủi ro, giao dịch với người có liên quan, xung đột lợi ích và công bố thông tin.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp căn cứ theo nguyên tắc phối hợp quy định tại Điều 6 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và công bố Quy chế trên trang thông tin điện tử của Công ty. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông và được thực hiện theo trình tự pháp luật, Điều lệ Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN HẠNH

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 tháng 2026

MỤC LỤC

Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 2. Mục đích, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động.....	2
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát.....	2
Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm Soát.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban Kiểm Soát.....	3
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm Soát.....	3
Điều 8. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm Soát.....	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm Soát.....	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm Soát.....	5
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm Soát..	6
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát.....	6
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	8
Điều 14. Bộ máy giúp việc Ban Kiểm Soát.....	9
Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm Soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 16. Chế độ làm việc của Ban Kiểm Soát.....	10
Điều 17. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát.....	10
Điều 18. Thông qua quyết định của Ban Kiểm Soát.....	10
Điều 19. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm Soát.....	11
Điều 20. Trình báo cáo hàng năm.....	11
Điều 21. Tiền lương và quyền lợi khác.....	12
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan.....	12
Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm Soát.....	13
Điều 24. Mối quan hệ với Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 25. Mối quan hệ với Hội Đồng Quản Trị.....	13
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Điều Hành.....	13
Điều 27. Hiệu lực thi hành.....	14

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (đã sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2026 ngày 08 tháng 10 năm 2026;

Ban kiểm soát xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát SASCO và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 04-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2026 ngày 08 tháng 10 năm 2026;

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát SASCO bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi là *Quy chế*), các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Công ty” hay “SASCO” là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - b. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - c. “Điều lệ SASCO” là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - d. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - e. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - f. “Kiểm soát viên” là Thành viên của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - g. “Ban điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất;
 - h. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

- i. “Hệ thống kiểm soát nội bộ” là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy định, quy trình nội bộ, hệ thống kiểm tra bằng công nghệ thông tin của SASCO được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
 - j. “Đơn vị trực thuộc SASCO” hay “Đơn vị” là phòng chức năng, khối văn phòng và chi nhánh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
2. Các thuật ngữ, từ ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
 3. Nguyên tắc áp dụng: Quy chế này được áp dụng thống nhất với pháp luật, Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Nếu có sự khác nhau thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; Ban kiểm soát phải kịp thời trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi Quy chế đối với nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Mục đích, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát và các Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Ban Kiểm soát, đơn vị, cá nhân tại SASCO có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện tuân thủ các quy định của Điều lệ SASCO, Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Ban kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của SASCO.
2. Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách độc lập, khách quan, trung thực, cẩn trọng và trung thành nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể; các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ SASCO, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của SASCO và cổ đông Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của SASCO và Cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SASCO để tư lợi hoặc phục

vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo bằng văn bản kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về quyền lợi có thể xảy ra xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch cá nhân khác trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan và chỉ sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
6. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho SASCO hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho SASCO.

7. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì người phát hiện phải thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, trong đó có một (01) Trưởng Ban kiểm soát; nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
3. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của SASCO;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SASCO;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SASCO trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ SASCO.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của SASCO và các điều kiện theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát: Ngoài việc tổ chức triển khai thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này thì quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định cụ thể như sau:
 - a. Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban kiểm soát. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban kiểm soát. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện quyền, nhiệm vụ được phân công của mỗi Kiểm soát viên;
 - b. Triệu tập và làm chủ tọa các cuộc họp Ban kiểm soát;
 - c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - d. Thay mặt Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - e. Thay mặt Ban kiểm soát thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - f. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
 - h. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông theo quy định;
 - i. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SASCO.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, cụ thể như sau:
 - a. Từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - b. Từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - c. Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - d. Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

- e. Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - f. Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - g. Từ 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên.
2. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng Thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền đề cử một hoặc một số người theo khoản 1 Điều 8 của Quy chế này làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo khoản 1 Điều 8 của Quy chế này thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

- 1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát, và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ SASCO. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

- 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ SASCO quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ SASCO;
 - d. Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của SASCO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của SASCO nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ SASCO;
 - g. SASCO phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành SASCO, thực trạng tài chính của SASCO và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát bao gồm:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
6. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
7. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
8. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của SASCO, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
9. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
10. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của SASCO, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của SASCO khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ SASCO.
11. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ SASCO, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của SASCO.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SASCO theo đề nghị của cổ đông.
13. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của SASCO.
14. Khi phát hiện có những hành vi vi phạm pháp luật và/hoặc vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty và/hoặc vi phạm Điều lệ SASCO của các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
15. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội

đồng quản trị và các cuộc họp khác của SASCO.

16. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của SASCO để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chấp thuận về việc sử dụng CB-NLĐ Công ty để thực hiện chương trình làm việc của Ban. Việc sử dụng phải nằm trong phạm vi ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và tuân thủ quy trình hành chính, an toàn, bảo mật của SASCO; việc phối hợp của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không phụ thuộc vào việc chấp thuận về nội dung, kết luận hoặc kiến nghị của Ban kiểm soát và không được trì hoãn, cản trở bất hợp lý hoạt động giám sát;
17. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
18. Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
19. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
20. Yêu cầu và nhận thông tin liên quan đến các Người có liên quan và giao dịch với các Người có liên quan.
21. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của SASCO; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của SASCO khi xét thấy cần thiết; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.
22. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài SASCO với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của SASCO nếu thấy cần thiết.
23. Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Lãnh đạo SASCO.
24. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
25. Ban Kiểm Soát có quyền cử thành viên tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Công ty tổ chức thực hiện tại văn phòng Công ty hoặc các chi nhánh, đơn vị thành viên của Công ty.
26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ SASCO và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, Quyết định và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị; báo cáo quản lý của Hội đồng quản trị; sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo

cáo kiểm toán, hồ sơ giao dịch với người có liên quan, hợp đồng và quyết định có liên quan; tài liệu về hoạt động kinh doanh, tài chính tại SASCO, đơn vị trực thuộc, chi nhánh và công ty con; và/ hoặc tài liệu khác do SASCO phát hành hoặc cần thiết hợp lý cho việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

- d. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các Thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của SASCO lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của SASCO trong giờ làm việc.
3. Thành viên Ban kiểm soát được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra; được quyền yêu cầu lãnh đạo các Chi nhánh, Phòng, Ban của công ty cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của công tác kiểm soát.
4. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SASCO theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Khi yêu cầu cung cấp, thành viên Ban kiểm soát phải nêu lý do trong văn bản yêu cầu.

Điều 14. Bộ máy giúp việc Ban kiểm soát

Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận các văn bản, báo cáo nội bộ, số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh, vv... và sử dụng nhân lực tham mưu, giúp việc của Công ty, dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu cần thiết) hoặc bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát đạt hiệu quả tốt nhất.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết), thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ SASCO;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Khi báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc năm phản ánh vốn chủ sở hữu giảm từ mười phần trăm (10%) trở lên so với số đầu kỳ nhưng chưa đến mức bắt buộc triệu tập theo Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát có quyền kiểm tra nguyên nhân, yêu cầu Tổng Giám đốc giải trình và trình phương án khắc phục, đồng thời kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường nếu xét thấy

cần thiết vì lợi ích của SASCO.

3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
4. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 16. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Công tác giám sát là hoạt động thường xuyên của Ban kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các phát sinh vi phạm Điều lệ, quy chế và quy định của SASCO tại trụ sở SASCO.
2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời và thường xuyên trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra.
3. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi chuyển đến Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến hoặc trình Đại hội đồng cổ đông, cần được đưa ra lấy ý kiến trong Ban kiểm soát và biểu quyết theo đa số. Kiểm soát viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong báo cáo của Ban kiểm soát.

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và làm chủ tọa. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Trong các cuộc họp Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền đề nghị Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, chuyên viên phòng chức năng, văn phòng Công ty và kiểm toán độc lập tham dự và giải đáp, cho ý kiến về các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm, xem xét.

Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát

1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
2. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
3. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó sẽ được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền biểu quyết chấp thuận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

Điều 19. Biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng, bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên. Nội dung của biên bản họp phải bao gồm:
 - a. Ngày, tháng, năm, thời gian bắt đầu và kết thúc;
 - b. Ghi rõ cuộc họp định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
 - c. Thành phần tham gia họp, những người vắng mặt;
 - d. Những nội dung được đưa ra trao đổi;
 - e. Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề, số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến; ý kiến của từng thành viên, ý kiến bảo lưu, xung đột lợi ích được công bố (nếu có); và kết luận, kiến nghị đối với từng vấn đề.
2. Chủ tọa cuộc họp quản lý và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát.
3. Các biên bản cuộc họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại Ban kiểm soát SASCO nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban kiểm soát.

Chương IV

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của SASCO, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết cuộc họp của Ban kiểm soát và kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của SASCO.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa SASCO, công ty con, công ty khác do SASCO nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa SASCO với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của SASCO; Tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm tra các hoạt động của SASCO khi xét thấy cần thiết.

Điều 21. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và kinh phí hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng kinh phí hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của SASCO theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập bằng mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của SASCO.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát công ty phải kê khai cho SASCO về các lợi ích có liên quan của mình bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với SASCO trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các Thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của SASCO.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa SASCO, công ty con, công ty khác do SASCO nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết này theo quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của thành viên này không

được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương V

MỐI QUAN HỆ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ SASCO. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 24. Mối quan hệ với Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực, hợp lý của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.
2. Ban kiểm soát thực hiện báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên; thực hiện kiểm tra đột xuất và báo cáo các vấn đề có liên quan khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Điều lệ SASCO.

Điều 25. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động; theo dõi việc chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra; tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất việc thuê chuyên gia; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành. Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành, hoạt động kinh doanh của SASCO và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.
2. Ban điều hành thông báo đến Ban kiểm soát thời gian, địa điểm các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc cuộc họp chuyên đề khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của SASCO và tài liệu liên quan (nếu có).
3. Các báo cáo Tổng Giám đốc gửi đến Hội đồng quản trị, phải đồng thời chuyển đến Ban kiểm soát theo quy định. Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện và gửi các báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phục vụ hoạt động giám sát, kiểm tra theo quy định.



4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban kiểm soát và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo cho Ban kiểm soát những nội dung liên quan.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất bao gồm sáu (06) Chương, hai mươi bảy (27) Điều và có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 10 năm 2026. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở dự thảo do Ban kiểm soát xây dựng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



LƯU QUỐC HOÀNG

Số: 135 -2026/SASCO-HĐQT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 10 năm 2026.

TỜ TRÌNH

Về việc “Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị và đề nghị bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (“Công ty/SASCO”);

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị:

- Dựa trên các văn bản đề cập tại phần căn cứ của Tờ trình này;
- Căn cứ Quyết định số 426/NQ-HĐQT ngày 28/7/2026 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – CTCP (ACV) v/v thôi cử Ông Nguyễn Văn Hùng Cường làm NDDV ACV tại SASCO, thôi tham gia TV HĐQT SASCO (“Quyết định 426”);
- Đơn từ nhiệm ngày 30/7/2026 của Ông Nguyễn Văn Hùng Cường;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị đối với Ông Nguyễn Văn Hùng Cường theo quy định tại Điều 35 Điều lệ tổ chức & hoạt động Công ty SASCO.

2. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029:

- 2.1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung: **01 người**. (Theo quy định tại Điều lệ Công ty)
- 2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện:
Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



3. Danh sách ứng cử viên Hội đồng Quản trị:

- 3.1.** Ngày 17/9/2026, Hội đồng Quản trị SASCO đã có Thông báo số 124-2026/SASCO-HĐQT gửi đến Quý Cổ đông v/v ứng cử, đề cử bầu Thành viên Hội đồng Quản trị và thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- 3.2.** Căn cứ Thư đề cử của Hội đồng Quản trị ACV v/v đề cử ứng viên Dư Kim Thăng tham gia ứng cử Thành viên Hội đồng Quản trị SASCO cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029.
- 3.3. Thông tin nhân sự được đề cử bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị:**

Ông DƯ KIM THĂNG

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày sinh: 15/4/1972

Nơi sinh: Hà Nội

Số CCCD: 031072017131 – Ngày cấp: 13/01/2022 – Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH.

Địa chỉ: 25/37/6 Cửu Long, Phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Tarlac State University, Kỹ sư Hóa – Đại học Bách khoa Tp.HCM.

Chiếu theo các tiêu chuẩn, điều kiện và hồ sơ hợp lệ, ứng viên nêu trên đáp ứng yêu cầu để đưa vào danh sách bầu cử Thành viên HĐQT. Đồng thời số lượng 01 ứng viên đáp ứng số lượng để bầu bổ sung Thành viên HĐQT.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách bầu bổ sung Thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029 như trên, đồng thời nghiên cứu Quy chế bầu cử của Đại hội để tiến hành thủ tục bầu cử tại Đại hội.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hạnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THƯ ĐỀ CỬ
THAM GIA ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất

Kính gửi: Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất

Họ tên cổ đông: **TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**
Số ĐKDN: 0311638525 đăng ký lần đầu ngày 22/03/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 24/6/2026.

Nơi cấp: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật (nếu có): Ông **NGUYỄN CAO CƯỜNG**

Tổng số cổ phần sở hữu: 49,07% vốn điều lệ công cổ phần.

Tổng công ty chúng tôi đề cử:

Ông: **DƯ KIM THẮNG**

Số CCCD: 031072017131

Ngày cấp: 13/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: 25/37/6 Cửu Long, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0903831540

tham gia ứng cử giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO), nhiệm kỳ 2024-2029.

Trân trọng,

Tp. HCM, ngày 17 tháng 9 năm 2026

NGƯỜI ĐỀ CỬ



Nguyễn Cao Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÓM TẮT LÝ LỊCH ỨNG CỬ VIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không sân bay Tân Sơn Nhất

1. Thông tin cá nhân

- Họ tên: DƯ KIM THĂNG Nam/nữ: Nam
- Ngày sinh: 15 tháng 04 năm 1972 Nơi sinh: Tp. Hà Nội
- Số CCCD: 031072017131 Ngày cấp: 13/01/2022
- Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Quê quán: xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình Điện thoại: 0903831540
- Địa chỉ thường trú: 25/37/6 Cửu Long, phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

2. Trình độ chuyên môn

Thời gian	Trường/Nơi đào tạo	Bằng cấp
09/1989 – 09/1993	Đại học Bách Khoa TP. HCM	Kỹ sư Hóa
05/1996 – 09/1996	Xí nghiệp phục vụ mặt đất Tân Sơn Nhất	Chứng chỉ Phục vụ hàng hóa
06/2003	Hội các phòng thí nghiệm VINATEST	Chứng nhận Đánh giá nội bộ theo ISO 9001:2000
03/2004	IATA	Chứng chỉ Professional Skill for DGR Instructor
1998, 2001, 2003, 2005, 2010	IATA	Chứng chỉ Dangerous Goods Regulations Course
01/2010 – 02/2010	Trường doanh nhân PACE	Chứng nhận Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung
11/2013- 03/2014	IATA	Chứng chỉ Airport Operation

04/2014- 09/2014	IATA	Chứng chỉ Aviation Security
04/2013- 04/2015	Tarlac State University	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

3. Kinh nghiệm công tác

Thời gian	Chức vụ	Tên tổ chức
12/1993- 12/1995	Chuyên viên	Phân viện Công nghiệp thực phẩm tại TP.HCM
12/1995- 1/2006	Tổ trưởng	Công ty TNHH phục vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất
1/2006- 4/2010	Chuyên viên	Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất
4/2010- 10/2013	Phó phòng khai thác	Cty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài gòn
10/2013- 5/2016	Phó Giám đốc	Cảng hàng không Côn Đảo – chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam
5/2016- nay	Giám đốc	Cảng hàng không Côn Đảo – chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

4. Các vị trí quản lý (HDQT, BDH, BGB) đang nắm giữ/được đề cử trong các tổ chức khác

TT	Tên tổ chức	Giấy ĐKKD	Vị trí	Thời gian bắt đầu giữ vị trí

5. Cam kết của ứng cử viên

- Tôi cam kết nếu trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát sẽ nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ thành viên theo quy định của pháp luật, quy chế của công ty; tuyệt đối trung thành với lợi ích của công ty và tuân thủ các quy định về việc tránh xung đột lợi ích của bản thân đối với công ty.

- Tôi cam kết các thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác, đầy đủ và trung thực; nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. HCM, ngày 17 tháng 9 năm 2026.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

(chính quyền địa phương hoặc cơ quan đang công tác)



Nguyễn Cao Cường

ỨNG CỬ VIÊN

(ký, ghi rõ họ tên)

Dư Kim Thăng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026.

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất ("Công ty/SASCO");
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.

Ban Bầu cử - Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên Hội đồng Quản trị SASCO tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng Quản trị;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT:

- Số lượng thành viên HĐQT : 01 người
- Nhiệm kỳ : Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2024 – 2029.

1. Quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào HĐQT thực hiện như sau:



- + Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - + Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT và các cổ đông khác đề cử.
- 2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị (Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty):**
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Số phiếu bầu của mỗi cổ đông được xác định theo số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền. Kết quả bầu cử được xác định theo tổng số phiếu bầu mà mỗi ứng cử viên nhận được.
- Một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban bầu cử - kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban bầu cử - kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng Quản trị.

V. Phương thức bầu cử:

1. Thực hiện theo Phương thức bầu dồn phiếu (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020):

$$\text{Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông} = \text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền} \times \text{Số thành viên HĐQT được bầu.}$$
2. Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

VI. Phiếu bầu và các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

1. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- a. Phiếu bầu **giấy màu hồng**, có đóng dấu (treo) của Công ty SASCO;
- b. Nội dung phiếu bầu:
 - Phần 1: Thông tin cổ đông tham gia bầu cử (Họ tên cổ đông, Số cổ phần sở hữu, Tổng số phiếu được quyền bầu cử);
 - Phần 2: Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu thuộc các trường hợp:

- Tổng số phiếu được bầu cho các ứng cử viên phải được ghi bằng số tuyệt đối và nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu được quyền bầu cử của cổ đông;
- Phiếu bầu để trống.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu bầu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
- Phiếu bầu bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên của ứng cử viên không đúng, hoặc không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu bầu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Phiếu bầu không còn nguyên vẹn;
- Phiếu bầu có tổng số quyền bầu cử của cổ đông cho ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu cử ghi trên phiếu bầu;
- Phiếu bầu không được ghi bằng số tuyệt đối.

VII. Thực hiện bầu cử và xác định kết quả

1. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- 1.1 Ban bầu cử - kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của đại diện các cổ đông;
- 1.2 Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- 1.3 Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- 1.4 Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử - kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

2. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban bầu cử - kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
2. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm:
 - 2.1. Tổng số quyền bầu cử;
 - 2.2. Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
 - 2.3. Tỷ lệ quyền bầu cử của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền bầu cử của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu);
 - 2.4. Số lượng và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ;
 - 2.5. Số lượng và tỷ lệ quyền bầu cử cho ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - 2.6. Công bố tên thành viên Hội đồng Quản trị trúng cử.
3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

IX. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng Quản trị của Công ty SASCO tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ng **CHỦ TỊCH** *ng*

- Nơi nhận:
- Cổ đông;
 - Lưu: HDQT.



NGUYỄN HẠNH

